



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN



**TÀI LIỆU TRÌNH BÀY
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021



DANH MỤC TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
2. Mẫu đăng ký dự họp.
3. Mẫu ủy quyền.
4. Mẫu Phiếu biểu quyết.
5. Mẫu Phiếu bầu cử.
6. Thông báo về việc ứng cử, đề cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026.
7. Chương trình Đại hội.
8. Quy chế làm việc tại Đại hội.
9. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Giám đốc.
10. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
11. Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ năm 2020.
12. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán (*kèm BCTC hợp nhất và BCTC riêng 2020 tóm tắt đã được kiểm toán*).
13. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
14. Tờ trình về chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021; Thù lao Hội đồng quản trị; Ban kiểm toán nội bộ; Ban kiểm soát; Quỹ thưởng Ban điều hành.
15. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021.
16. Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.
17. Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX.
18. Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
19. Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

**THÔNG BÁO****Về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021****Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần Thiết bị điện**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

1. **Thời gian:** Vào lúc 13^h30, Thứ Năm, ngày 29 tháng 04 năm 2021.
2. **Địa điểm:** Số 16, Nguyễn Biểu, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh (Hội Trường Công Ty CADIVI)
3. **Nội dung Đại hội:**
 - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
 - Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ năm 2020.
 - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
 - Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026;
 - Thông qua các tờ trình của Hội đồng quản trị;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
4. **Thành phần tham dự:** Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày 02/04/2021 hoặc người được ủy quyền hợp pháp của cổ đông.
5. **Tài liệu Đại hội:**
 - Gửi kèm theo Thông báo: Mẫu Giấy đăng ký tham dự Đại hội và Mẫu Giấy ủy quyền.
 - Các tài liệu khác, Quý cổ đông vui lòng truy cập website của Công ty: www.thibidi.com, mục “Đại hội đồng cổ đông”.
 - Tài liệu bằng văn bản sẽ được gửi các cổ đông khi dự Đại hội.
6. **Đăng ký tham dự Đại hội:** Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự hoặc Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu gửi kèm Thông báo) về Công ty trước 15^h00' - Thứ Hai, ngày 19-04-2021, theo hình thức sau:
 - Gửi trực tiếp hoặc Fax theo địa chỉ:
 - Phòng Tài chính kế toán - Công ty cổ phần Thiết bị điện.
 - Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
 - Điện thoại: (0251) 3 836 443; Fax: (0251) 3 836 070.
 - Hoặc gửi thư điện tử về địa chỉ: trinh.pd@thibidi.com, buoi.ttt@thibidi.com
 - Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS Quý cổ đông vui lòng xem tại Thông báo bầu cử BKS.
7. **Các vấn đề khác:**
 - Cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm hoặc mẫu khác theo quy định của pháp luật về dân sự.
 - Cổ đông/người được ủy quyền hợp pháp khi đến dự Đại hội cần xuất trình: Bản gốc CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu; Bản gốc Giấy ủy quyền có đóng dấu treo của Công ty (trong trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội); Bản gốc Thông báo mời họp.
 - Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí cá nhân khác trong thời gian dự họp Đại hội do người tham dự tự chi trả.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**Nguyễn Văn Tuấn**



....., ngày tháng năm 2021

GIẤY ĐĂNG KÝ*Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Tên cổ đông:

Mã số cổ đông:

Số CMND/CNĐKKD: - Ngày cấp: - Nơi cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại: - Fax:

Người đại diện theo pháp luật (nếu cổ đông là tổ chức):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật:

Cấp ngày: - Tại:

Là cổ đông của Công ty cổ phần Thiết bị điện, đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty - Thứ Năm ngày 29-04-2021 như sau:

☐ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.☐ Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

(Người được tôi/chúng tôi ủy quyền sẽ xuất trình bản gốc Giấy ủy quyền và bản gốc Thông báo mời họp theo mẫu cho Ban tổ chức Đại hội trước khi tham dự họp).

Tôi/Chúng tôi xin cam kết sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thiết bị Điện và tuân thủ các quy định, quy chế tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

CỔ ĐÔNG ĐĂNG KÝ*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)***Ghi chú:**

Giấy đăng ký này đề nghị Quý Cổ đông gửi về Công ty trước **15h00' – Thứ Hai, ngày 19-04-2021** theo địa chỉ sau:

1. Công ty cổ phần Thiết bị điện.

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1 – Đường số 9 – Phường An Bình - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai.

2. Hoặc cổ đông có thể Fax về số: (0251) 3 836 070

ĐT liên hệ: 0903 178 071 (Mr Trình) 0906 888 614 (Ms Bưởi)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông:
Số CMND/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN):
Ngày cấp: Nơi cấp: Số điện thoại:
Địa chỉ liên hệ:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần. *Bằng chữ:*
Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:
Số CMND của người đại diện: Ngày, nơi cấp:

2. Bên được ủy quyền:

2.1 Tên cá nhân:
Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:
Nơi cấp: Số điện thoại:
Địa chỉ liên hệ:
(Trường hợp một cổ đông ủy quyền cho nhiều người nhận ủy quyền thì lập danh sách theo mẫu kèm theo).

Hoặc

2.2 Ủy quyền cho một (01) trong những thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thiết bị điện (HĐQT) sau: (*đánh dấu X vào ô vuông*)

- | | |
|---|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Văn Tuấn | – Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Phan Ngọc Thảo | – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| <input type="checkbox"/> Ông Lê Quang Định | – Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Quốc Vinh | – Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Trần Đăng Phước | – Thành viên HĐQT |

Nội dung ủy quyền:

- **Số cổ phần ủy quyền:** cổ phần. *Bằng chữ:*
- **Phạm vi ủy quyền:** Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Bên được ủy quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Bên ủy quyền là cá nhân chỉ ủy quyền tối đa cho một (01) người. Bên ủy quyền là tổ chức nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa năm (05) người theo nguyên tắc mỗi 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền ủy quyền cho một (01) người.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thiết bị điện và các quy định của Ban Tổ chức Đại hội.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi đính kèm Bản photocopy CMND/Hộ chiếu (hoặc GCNĐKDN) của Bên ủy quyền và có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc.

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

[illegible]

Mã số dự họp:



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông

:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/
GCNĐKKD

:

Số cổ phần biểu quyết (CP)

:

10.000



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

-----oOo-----

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

NHIỆM KỲ 2021-2026

1. Thông tin cổ đông tham gia bầu cử

- Mã số cổ đông/Người được uỷ quyền :
- Mã số cổ đông/Người được uỷ quyền :
- Số cổ phần sở hữu và/hoặc được uỷ quyền (Z) : Cổ phần
- Số thành viên BKS nhiệm kỳ (2021-2026) : Thành viên
- Tổng số phiếu bầu ($X=Z*3$) :

2. Phân bầu cử

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu
1		
2		
3		
	Tổng cộng	

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 04 năm 2021

(Chữ ký của người bầu)

Ký tên

**THÔNG BÁO**

Về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu thành viên
Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần Thiết bị điện

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến tham gia bầu thành viên Ban Kiểm Soát (BKS) như sau:

1. Số lượng thành viên dự kiến được bầu: 03 thành viên.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 là 03 (ba) thành viên trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021 về việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 cụ thể sẽ được Chủ tọa xác định và công bố tại Đại hội trước khi tiến hành bầu cử và ngay sau khi có kết quả biểu quyết đối với 10/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Điều kiện đề cử, ứng cử chức danh thành viên BKS:

Cổ đông có quyền đề cử người khác hoặc tự mình ứng cử vào chức danh thành viên BKS nếu người đề cử đảm bảo điều kiện sau đây: Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử người vào BKS. Việc đề cử người vào BKS thực hiện theo Điều 36 dự thảo Điều lệ sửa đổi được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Cụ thể như sau: Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện nhân sự tham gia BKS:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liên trước đó;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hồ sơ đề cử:

Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện nêu trên có yêu cầu ứng cử, đề cử thành viên BKS gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện hoặc fax về trụ sở Công ty trước **17 giờ ngày 15/04/2021**. Hồ sơ ứng cử, đề cử bao gồm:

- Giấy ứng cử/đề cử ứng viên tham gia BKS (theo mẫu đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (mẫu đính kèm);
- Bản sao hợp lệ: CMND/CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn, trình độ văn hoá.

Các Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên BKS được gửi đến Công ty không đủ các loại văn bản nêu trên được xem là không hợp lệ và không được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức để trình Đại hội đồng cổ đông Công ty để tiến hành bầu cử. Người ứng cử/đề cử thành viên BKS chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của nội dung Hồ sơ ứng cử/đề cử của mình.

5. Nơi nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Gửi trực tiếp hoặc Fax theo địa chỉ:

- Bà Trần Thị Thu Thanh - Thư ký
- **Công ty cổ phần Thiết bị điện.**
- Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3 836 443; Fax: (0251) 3 836 070.
- Hoặc gửi thư điện tử về địa chỉ: thanh.ttt@thibidi.com

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.





....., ngày.....tháng 4 năm 2021

**ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2021 - 2026****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Tên cổ đông:
Ngày sinh: Nơi sinh:
Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại: Email:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Tại:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Số cổ phần sở hữu:cổ phần, tương ứng với:% vốn điều
lệ của Công ty.

Căn cứ Thông báo đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021- 2026 ngày 07/04/2021, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thiết bị điện nhiệm kỳ 2021-2026.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Thông báo đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 ngày 07/04/2021, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021- 2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện.

Trân trọng!

NGƯỜI ỨNG CỬ*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)***Hồ sơ kèm theo:**

1. Sơ yếu lý lịch của người được đề cử theo mẫu Công ty.
2. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.



ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Tôi/Chúng tôi/Đơn vị chúng tôi là nhóm cổ đông Công ty Cổ phần Thiết bị điện gồm:

STT	Họ và tên CĐ/ Tên Đơn vị CĐ	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Căn cứ Thông báo đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 ngày 07/04/2021, chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông/Bà:.....

Ngày sinh:..... Nơi sinh:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Tại:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông/Bà có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Thông báo đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 ngày 07/04/2021, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đề cử, hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Quý Công ty.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử theo mẫu Công ty.
- Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.



SƠ YẾU LÝ LỊCH

Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên BKS

1. Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ.....
2. Ngày, tháng năm sinh: Nơi sinh:
3. Quốc tịch:
4. CMND/CCCD/Hộ chiếu: Cấp ngày/...../.....
Tại.....
5. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
6. Chỗ ở hiện tại:
7. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng Di động:
8. Địa chỉ email:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình công tác:
11. Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, HĐQT và các chức danh quản lý khác:
12. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

....., ngày tháng năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian : 13h30' - Thứ Năm, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Địa điểm : Số 16, Nguyễn Biểu, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh (Hội trường Công ty CADIVI)

Nội dung :

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Khai mạc Đại hội			
1	13h30'-13h35'	Tuyên bố lý do, khai mạc Đại hội	Ban tổ chức
2	13h35'-13h40'	Báo cáo Biên bản kiểm tra thủ tục triệu tập Đại hội và tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức
3	13h40'-13h45'	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	Ban tổ chức
4	13h45'-13h50'	Chủ tọa Đại hội chỉ định Đoàn thư ký Đại hội	Chủ tọa Đại hội
5	13h50'-14h00'	Bầu Ban kiểm phiếu của Đại hội	Chủ tọa Đại hội
Nội dung Đại hội			
1	14h00' - 14h05'	Thông qua Chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội
2	14h05' - 14h10'	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	Chủ tọa Đại hội
3	14h10' - 14h15'	Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát	Chủ tọa Đại hội
4	14h15' - 14h25'	Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Giám đốc	UV. HĐQT
5	14h25' - 14h35'	Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	UV. HĐQT
6	14h35' - 14h40'	Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ năm 2020	KTT
7	14h40' - 14h45'	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán	KTT
8	14h45' - 14h50'	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	UV. HĐQT
9	14h50' - 14h55'	Tờ trình về chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021; Thù lao Hội đồng quản trị; Ban kiểm toán nội bộ; Ban kiểm soát; Quỹ thưởng Ban điều hành	UV. HĐQT
10	14h55' - 15h00'	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021	UV. HĐQT
11	15h00' - 15h45'	Bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026: Báo cáo của HĐQT về việc tổng hợp kết quả đề cử/ứng cử ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026	Chủ tọa Đại hội Ban kiểm phiếu
12	15h45' - 15h50'	Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX	UV. HĐQT
13	15h50' - 15h55'	Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (kèm dự thảo Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt	UV. HĐQT

STT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
		động của Ban kiểm soát)	
14	15h55' - 16h00'	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết	-
15	16h00'- 16h10'	Nghỉ giải lao	-
16	16h10'- 16h15'	Thông báo kết quả bầu cử Ban kiểm soát (Biên bản kiểm phiếu)	Ban kiểm phiếu
17	16h15'- 16h20'	Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 ra mắt tại Đại hội	Ban kiểm soát
18	16h20'-16h30'	Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Đoàn Thư ký
19	16h30'	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội



QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
Ngày 29 tháng 04 năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thiết bị điện;

Chủ tọa Đại hội xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1) Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thiết bị điện.
- Quy chế này quy định: nguyên tắc làm việc, trật tự Đại hội, điều kiện tham dự Đại hội, điều kiện tiến hành Đại hội, quyền và nghĩa vụ của: cổ đông, người đại diện tham dự Đại hội và các cơ quan điều hành, giúp việc Đại hội; Phương thức biểu quyết và thông qua các nội dung Đại hội.

2) Nguyên tắc làm việc của Đại hội

- Công khai, công bằng, dân chủ.
- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cổ đông, của Công ty.
- Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3) Trật tự Đại hội

- Người tham dự ngồi tại vị trí phù hợp theo hướng dẫn của Ban Tổ chức.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp.
- Điện thoại không để chế độ chuông.
- Không quay phim, chụp ảnh, ghi âm nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa trong thời gian Đại hội diễn ra.
- Không truyền tin ra ngoài dưới mọi hình thức cho đến khi có kết luận cuộc họp.

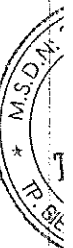
4) Điều kiện tham dự Đại hội

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có tên trên Danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội, có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xuất trình bản gốc CMND/CCCD/Hộ chiếu, bản gốc Thông báo mời họp, bản gốc giấy ủy quyền (nếu thuộc trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

II. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI VÀ CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH, GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI

1) Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội

- Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, quy chế được Đại hội thông qua.
- Làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số phiếu.
- Hướng dẫn các cổ đông/người đại diện của cổ đông thảo luận, biểu quyết các nội dung của Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Trả lời những vấn đề Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.



- Kết luận những vấn đề được thảo luận tại Đại hội, điều hành thông qua biên bản, nghị quyết của Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp.
- Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định theo quy định tại Điều lệ.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2) Trách nhiệm của Đoàn Thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội.
- Soạn Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.
- Tiếp nhận và chuyển đến Chủ tọa các phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/người đại diện của cổ đông; nhận thư, tài liệu liên quan đến Đại hội.
- Thu nhận, bảo quản và gửi tới Hội đồng quản trị Công ty các phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông/người đại diện của cổ đông tại Đại hội.

3) Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu

a. Nhiệm vụ của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông:

- Thẩm tra tư cách cổ đông có đủ điều kiện tham gia Đại hội.
- Phát các tài liệu, thẻ biểu quyết cho cổ đông/người đại diện của cổ đông.
- Trả lời chất vấn hoặc phát hiện các vấn đề cần xem xét về tư cách cổ đông.
- Tổng hợp và báo cáo với Đại hội kết quả thẩm tra tư cách cổ đông trước Đại hội đồng cổ đông
- Xem xét, tuân thủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuân theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phát phiếu biểu quyết, phổ biến, hướng dẫn các quy định, quy chế liên quan đến việc biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
- Kiểm soát việc biểu quyết các nội dung của Đại hội.
- Kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội hoặc chuyển cho Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu.
- Cùng Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại về ứng cử viên cũng như kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định

4) Quyền, nghĩa vụ của các cổ đông và người nhận ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội (sau đây gọi chung là “cổ đông”)

a. Quyền

- Được nhận Thẻ biểu quyết và Tài liệu Đại hội.
- Được quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc phạm vi chương trình Đại hội.
- Được tham dự và phát biểu trực tiếp tại Đại hội theo sự điều hành của Chủ tọa hoặc ghi ý kiến vào phiếu đóng góp ý kiến gửi Ban Tổ chức Đại hội. Ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
- Đến họp đúng giờ, trong trường hợp đến họp muộn vẫn có thể đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đến muộn đăng ký. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

b. Nghĩa vụ

- Tuân thủ Quy chế làm việc của Đại hội.
- Tham gia đóng góp vào các nội dung của Đại hội.
- Khi muốn phát biểu tại Đại hội, cổ đông/người đại diện của cổ đông phải giơ Thẻ biểu quyết và tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Đại hội. Nội dung phát biểu ngắn gọn, súc tích, tránh trùng lặp, tập trung vào trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình đã được thông qua tại Đại hội.
- Điền ý kiến vào thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban kiểm phiếu tại Đại hội.
- Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức Đại hội, không có hành động cản trở, gây rối hoặc gây mất trật tự Đại hội.

III. CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1) Biểu quyết bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết

- Mỗi cổ đông/người đại diện của cổ đông tham dự Đại hội được phát:

Một (01) Thẻ biểu quyết (màu vàng), dùng để biểu quyết những nội dung tại Đại hội:

- Bầu Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.
 - Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
 - Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ năm 2020;
 - Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán;
 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - Tờ trình về chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021; Thù lao Hội đồng quản trị; Ban kiểm toán nội bộ; Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành.
 - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021;
 - Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX;
 - Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
 - Dự thảo Nghị quyết Đại hội.
- Thẻ biểu quyết ghi rõ tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã số dự họp, số Chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN), số cổ phần biểu quyết và được đóng dấu treo của Công ty cổ phần Thiết bị điện tại góc trên bên trái.
 - Với mỗi nội dung biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết một (01) lần duy nhất (Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến). Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông/người đại diện của cổ đông tán thành sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên trước, tiếp sau đó cổ đông/người đại diện của cổ đông không tán thành hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết. Trường hợp cổ đông giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần thì số cổ phần biểu quyết của cổ đông được tính là không hợp lệ.
 - Các trường hợp việc biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết của cổ đông/người đại diện của cổ đông được coi là không hợp lệ:

- Cổ đông/đại diện của cổ đông không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề.
 - Cổ đông/đại diện của cổ đông giờ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết một vấn đề.
- Ban kiểm phiếu theo dõi, lập biên bản kết quả biểu quyết và báo cáo trước Đại hội.
- 2) **Bầu thành viên Ban kiểm soát**
Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tuân thủ Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát.

IV. ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

- Một (01) cổ phần phổ thông tương đương với một (01) quyền biểu quyết.
- Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều lệ Công ty.

V. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

- Khi cổ đông/người đại diện của cổ đông phát biểu, Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm giải đáp và/hoặc phân công giải đáp từng vấn đề. Các vấn đề đã được Đại hội biểu quyết sẽ không được thảo luận lại.
- Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu chỉ được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục biểu quyết hoặc kết quả biểu quyết, Chủ tọa Đại hội sẽ tiến hành kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông khi ra/vào Hội trường phải tuân theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua và áp dụng trong suốt thời gian tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện.



Q.T.C.P
S. NAI



Số: 01/2021/BC-TBĐ

Đồng Nai, ngày 07 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 & MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2020

- Tình hình dịch cúm COVID-19 xảy ra suốt năm 2020 làm cho thị trường tiêu thụ sụt giảm mạnh trong 3 quý đầu năm, nhất là làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường xuất khẩu của công ty
- Thị trường phục hồi vào cuối quý 3 và tăng đột biến suốt quý 4 do nhu cầu MBA cho các dự án năng lượng Mặt Trời.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020:

(Căn cứ theo số liệu BCTC năm 2020 đã kiểm toán)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Thực hiện năm 2019	So sánh tỷ lệ (%)	
		Kế hoạch	Thực hiện		Thực hiện năm 2020 với kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020 với thực hiện năm 2019
(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(2)/(3)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3,054	2,831	3,005	92.7%	94.2%
Trong đó:						
THIBIDI		2,454	2,327	2,637	94.8%	88.2%
- Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	1,898	1,881	1,906	99.1%	98.7%
- Doanh thu TM/khác	Tỷ đồng	556	446	731	80.2%	61.0%
MEE		600	504	368	84.0%	137.0%
- Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	495	308	273	62.2%	112.8%
- Doanh thu TM/khác	Tỷ đồng	105	196	95	186.7%	206.3%
Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	162.7	193.4	221.9	118.9%	87.2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	130.2	160.3	172.8	123.1%	92.8%
Lao động bình quân	Người		614	679		
Thu nhập bình quân	Tr/ng/tháng		18.6	17.1		108.8%

(*) Lợi nhuận trước thuế là lợi nhuận hợp nhất.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

1. Công tác kinh doanh, thị trường:

Nắm bắt đặc điểm tình hình trên, Công ty kịp thời đưa ra các chính sách, phương án kinh doanh như sau:

- Phương án hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho các Đại lý phân phối từ tháng 4 đến tháng 12/2020.
- Tổ chức hội thảo về MBA sử dụng cho các dự án năng lượng mặt trời tại Tây Nguyên và một số buổi hội thảo nhỏ khi các chủ đầu tư yêu cầu.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, nâng cao lợi thế bảo hành 10 năm đối với dòng sản phẩm High quality, 5 năm đối với dòng sản phẩm Ecotrans, tuổi thọ lên đến 20 năm của tất cả các dòng sản phẩm để củng cố niềm tin cho khách hàng và chủ đầu tư khi lựa chọn sản phẩm của công ty.

2. Công tác R&D, thiết kế, công nghệ và đầu tư:

- Sử dụng vật liệu mới tole AYFA, cải tiến thiết kế, tiết kiệm vật tư (khoảng 21,9 tỷ đồng), giảm giá thành cho dây MBA Amorphous 3 pha (100÷2000) kVA tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Ban hành các giải pháp thi công quấn dây trên máy quấn dây IMI (mô phỏng theo máy quấn dây Tuboly) để tăng sản lượng sản xuất MBA năng lượng mặt trời, cũng như ban hành các phương án thiết kế sử dụng vật liệu hiện có (đồng lá, tole silic các loại) đáp ứng nhu cầu đột biến của thị trường.
- Từng bước tự động hóa quá trình gia công cơ khí và sản xuất vỏ thùng.

3. Công tác sản xuất:

- Những tháng cuối năm ngành năng lượng tái tạo phát triển, đơn hàng nhiều, tăng đột biến, nhưng vật tư cung ứng không đủ, không đúng chủng loại theo thiết kế và chậm theo tiến độ của kế hoạch gây khó khăn cho sản xuất nhưng các đơn vị đã cố gắng khắc phục khó khăn từ khâu thiết kế đến sản xuất để cung ứng kịp thời cho thị trường MBA 3 pha: 6.349 chiếc, MBA 1 pha: 3.187 chiếc.
- Tăng cường kiểm tra và giám sát quá trình, hoàn thiện khâu tổ chức sản xuất, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vật tư, giảm sai hỏng trong sản xuất và đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- Trong năm qua, cùng với việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, công tác an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức hội thao diễn tập PCCC để CBCNV – LĐ tăng cường kiến thức, kỹ năng chữa cháy và sơ cấp cứu trong công tác PCCC dưới sự hướng dẫn chuyên nghiệp của cảnh sát PCCC công an tỉnh Đồng Nai, đồng thời xây dựng phương án PCCC và mua sắm đầy đủ các thiết bị chữa cháy.

4. Công tác kế toán tài chính:

- Công ty đã xây dựng giá bán phù hợp đối với dòng MBA năng lượng mặt trời và ban hành chính sách kích cầu kịp thời nhằm tăng doanh số và đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cân đối nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu dự trữ nguyên vật liệu tránh biến động về giá nhằm phục vụ tốt sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiểm soát tốt tình hình tài chính năm 2020, duy trì mức độ ổn định và đảm bảo đủ tiềm lực để tiếp tục phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các

kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty trong thời gian tới. Đảm bảo BCTC định kỳ theo quy định được lập chính xác, tuân thủ các quy định về công bố thông tin.

- Phối hợp triển khai hệ thống ERP – SAP nhằm tối ưu hoá nguồn lực tài chính để sẵn sàng đưa vào vận hành từ 01/04/2021.

5. Công tác tổ chức và quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục duy trì việc làm ổn định cho người lao động; Tiền lương hàng tháng được thanh toán đúng hạn, đúng quy định.

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị bảo hộ lao động, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định và thực hiện mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động.

- Thường xuyên tổ chức các đoàn an dưỡng; Chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho cán bộ công nhân viên, trang bị bảo hộ lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Quan tâm cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động: Đo giám sát môi trường định kỳ do Trung tâm Quan Trắc và Kỹ Thuật Môi Trường Đồng Nai thực hiện; Đo kiểm tra định kỳ môi trường lao động trong Công ty do Trung tâm Y tế

- Môi trường lao động công thương- Bộ Công Thương thực hiện.

6. Công tác khác:

Năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì, hưởng ứng các cuộc vận động của chính quyền địa phương, thực hiện các nghĩa vụ và công tác xã hội, phối hợp cùng các Công ty Điện lực đóng góp xây dựng nhà tình thương cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. DỰ ĐOÁN TÌNH HÌNH NĂM 2021

- Tình hình dịch Covid 19 còn diễn biến phức tạp, giao thương giữa các nước vẫn còn bị đình trệ, đầu tư nước ngoài và xuất khẩu sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

- Các dự án Năng lượng Mặt Trời tiếp tục tạm ngưng đầu nối đến cuối quý 1/2021, có khả năng khởi động lại trong quý 2 nhưng với mức độ bình thường chứ không có tăng trưởng nóng như trước đây và thay vào đó là các dự án điện gió sẽ phát triển trong thời gian sắp tới.

- Tình hình cung cấp và phân phối điện năng vẫn thiếu hụt tạo cơ hội cho các nhà sản xuất thiết bị điện.

- Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với tinh thần quyết tâm vượt qua khó khăn, công ty đã xây dựng mục tiêu kế hoạch cho năm 2021 với các chỉ tiêu như sau:

II. NHỮNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Chỉ tiêu năm 2021	
				Kế hoạch	Tỷ lệ % tăng (giảm)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
I	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2,831	2,860	1.0%
	Trong đó:				
	THIBIDI		2,327	2,250	-3.3%
	- Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	1,881	1,800	-4.3%
	- Doanh thu TM/khác	Tỷ đồng	446	450	0.9%
	MEE		504	610	21.0%
	- Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	308	337	9.4%
	- Doanh thu TM/khác	Tỷ đồng	196	273	39.3%
II	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	193.4	197.8	2.3%
III	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	160.4	158.2	-1.3%

(*) Lợi nhuận trước thuế là lợi nhuận hợp nhất.

III. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN THỰC HIỆN MỤC TIÊU 2021

- Nhanh chóng phát triển và chiếm lĩnh thị trường miền Bắc.
- Tiếp tục triển khai việc cắt giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm thông qua cải tiến thiết kế, tiết kiệm vật tư và chi phí quản lý để tăng tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng quy chế, chính sách bán hàng hợp lý, linh hoạt và phù hợp với các đối tượng khách hàng và địa bàn khác nhau trước tình hình khó khăn chung do đại dịch.
- Thực hiện xây dựng nhà xưởng mới tại Khu công nghiệp Long Đức và đưa vào vận hành dự án SAP đúng tiến độ. Đẩy mạnh đầu tư mới trang thiết bị, tự động hóa quá trình sản xuất nhằm tăng năng suất và giảm chi phí lao động.

KẾT LUẬN

Một năm đầy sóng gió đã qua, với những nỗ lực khắc phục mọi khó khăn cùng với lòng quyết tâm của toàn thể đội ngũ Cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần Thiết bị điện đã vượt qua được những thử thách để hoàn thành kế hoạch Sản xuất kinh doanh trong năm 2020, đồng thời sẵn sàng chiến đấu để thực hiện và hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2021 đã đề ra.

Nơi nhận:

- GELEX, GELEX Electric (b/c),
- Chủ tịch HĐQT THIBIDI (thay b/c),
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN NGỌC THẢO



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Nhân sự HĐQT năm 2020

Trong năm 2020, HĐQT Công ty bao gồm:

- | | |
|-------------------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Tuấn | - Chủ tịch |
| 2. Ông Phan Ngọc Thảo | - Ủy viên - Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Lê Quang Định | - Ủy viên |
| 4. Ông Nguyễn Quốc Vinh | - Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Trần Đăng Phước | - Ủy Viên |

Trong đó, có 03 thành viên điều hành và 02 thành viên không tham gia điều hành.

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020

- Năm 2020, Tình hình dịch cúm Covid -19 xảy ra, làm cho thị trường giảm mạnh trong 3 quý đầu năm và nhờ vào dự án năng lượng mặt trời, thị trường phục hồi vào cuối quý 3 và tăng đột biến trong quý 4.
- Trước nhiều khó khăn thách thức, tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty đã đoàn kết, nỗ lực cố gắng thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội Đồng cổ đông giao, cụ thể: Doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 2.831 tỷ đồng, đạt 94,2% so với số liệu thực hiện năm 2019 là 3.005 tỷ đồng, đạt 92,7% so với số liệu kế hoạch 2020 là 3.054 tỷ đồng. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2020 đạt 193,4 tỷ đồng, đạt 87,2% so với số liệu thực hiện năm 2019 là 221,9 tỷ đồng, đạt 118,9% so với số liệu kế hoạch là 162,7 tỷ đồng.
- Sản phẩm làm nên giá trị cốt lõi của THIBIDI là máy biến áp phân phối đã nhiều năm tạo dựng được uy tín trên thị trường nhờ chất lượng cao vượt trội và tính cam kết cao, dịch vụ sau bán hàng tận tâm, trách nhiệm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì và phát triển bền vững.

3. Hoạt động của HĐQT năm 2020

- Năm 2020, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 04/2020 và tiến hành nhiều phiên họp trực tiếp, ban hành nhiều Nghị quyết, thực hiện tuân thủ các nội dung thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, định hướng hoạt động và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị THIBIDI đã họp trực tiếp và cả tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, đã ban hành 21 Nghị quyết và 21 Quyết định. Nội dung các Nghị quyết tập trung vào việc Thay đổi mô hình quản trị, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm các Giám đốc chức năng, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, phê duyệt hỗ trợ đại lý THIBIDI trong mùa dịch covid -19, phê duyệt dự án phần mềm SAP - ERP, thông qua giao dịch với các bên có liên quan...
- Các Nghị quyết HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp. HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình trong phạm vi,

quyền hạn qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

4. Kết quả đạt được năm 2020

4.1 Công tác chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc, Ban điều hành

- Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện giám sát Tổng giám đốc, Ban Điều Hành và các cán bộ quản lý trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo phù hợp với các qui định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm cao, Tổng giám đốc, Ban Ban Điều Hành Công ty đã bám sát mục tiêu và triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT một cách nghiêm túc và đầy đủ.

4.2 Công tác đầu tư

- Hiện nay, tính đến ngày 31/12/2020, THIBIDI có 01 công ty con, 01 công ty liên kết. Tại ngày 31/12/2020, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày 31/12/2020, Công ty sở hữu 24,95% vốn chủ sở hữu và 24,95% quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.
- Bên cạnh đó, HĐQT Công ty chủ trương tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, thiết bị và chuẩn bị di dời nhà máy tại Khu công nghiệp Long Đức - Xã Long Đức - Huyện Long Thành - Tỉnh Đồng Nai với diện tích 70.770,8 m² và đã đưa ra các phương án thiết kế chi tiết văn phòng, nhà xưởng sản xuất mới.

4.3 Giao dịch giữa công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan.

- Giao dịch giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan:
 - a) Ông Phan Ngọc Thảo - Thành viên HĐQT sở hữu 143.358 cổ phần, chiếm 0,29% so với vốn điều lệ.
 - b) Bà Phan Thị Hồng Thu - Người có liên quan Thành viên HĐQT (Ông Phan Ngọc Thảo) sở hữu 53.760 cổ phần, chiếm 0,11% so với vốn điều lệ.
- Giao dịch giữa công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan: Không có

4.4 Công tác quản lý cổ đông

- Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông để lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 473 cổ đông. Trong đó có 01 cổ đông lớn, là tổ chức Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX nắm giữ 39.464.599 cổ phần, tương đương 80,87% vốn điều lệ. Công tác quản lý cổ đông được thực hiện theo đúng các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

4.5 Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

- Xây dựng kế hoạch/ chương trình kiểm tra, kiểm soát theo phê duyệt của HĐQT. Triển khai thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế và quy định của công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ khác. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động.

4.6 Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Thù lao cho Hội đồng quản trị được phân phối như sau:

- Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 20 triệu đồng/người/tháng.
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị: 15 triệu đồng/người/tháng.

4.7 Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

HĐQT của Công ty cổ phần Thiết bị điện trong năm 2020 đã làm việc với tinh thần và trách nhiệm minh bạch trong công tác quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng. HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ; tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

5. Kế hoạch hoạt động năm 2021

- Năm 2021 mục tiêu của THIBIDI là tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng, ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tổng doanh thu đạt 2.860 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 197,8 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 10%.
- Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT xác định một số giải pháp chính như sau:
 - + Đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị hiện đại, tự động hóa quá trình sản xuất nhằm tăng năng suất và giảm chi phí lao động.
 - + Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý và trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Tăng cường công tác dự báo và quản trị rủi ro để hạn chế cho các mặt hoạt động của Công ty.
- Năm 2021, HĐQT Công ty cam kết sẽ cố gắng cùng Ban điều hành tiếp tục nỗ lực, đảm bảo sản xuất ổn định, hiệu quả, đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. HĐQT rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết gắn bó lâu dài của các Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV trong Công ty.

6. Kết luận

- Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Quý cổ đông, Ban Điều Hành Công ty trong năm vừa qua đã giúp HĐQT hoàn thành nhiệm vụ của mình.
 - Kính chúc các Quý vị đại biểu, các Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.
- Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Đăng tải website Cty;
- HĐQT TCT (để b/c);
- Lưu VT.





Số: 01 /2021/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 07 tháng 4 năm 2021



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa: Các Quý cổ đông, và Quý vị đại biểu

Tiểu ban Kiểm toán (TBKT) trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thiết bị điện được thành lập vào ngày 14 tháng 6 năm 2019 gồm có 1 thành viên.

Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo Quy định của Luật Doanh Nghiệp; Điều lệ của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ,

Ban kiểm toán xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát và tình hình hoạt động của Ban Kiểm toán trong năm 2020 như sau:

1. Báo cáo tài chính:

Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc bầu 01 (một) thành viên kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập, được hưởng lương theo Quy chế lương Công ty (quyền lợi tương đương cấp phó đơn vị).

Trong năm tài chính 2020. Kiểm toán nội bộ công ty thực hiện kiểm tra, giám sát các nội dung sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ được ban hành.

- Kiểm tra Báo cáo tài chính bán niên và năm 2020 như sau:

+ Báo cáo tài chính 2020 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với VAS và các quy định hiện hành, không phát hiện có sai sót trọng yếu có thể làm sai lệch kết quả báo cáo tài chính;

+ Không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán, kết quả kinh doanh và biến động của số liệu tài chính;

+ Không phát hiện sai sót trọng yếu liên quan đến các ước tính kế toán.

+ Các khuyến nghị của kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020 đã được ghi nhận và điều chỉnh cho năm tài chính tiếp theo (như giao dịch nội bộ) đã và đang được thực hiện báo cáo lên HĐQT và Tiểu ban Kiểm toán.

- Giao dịch với các bên liên quan theo quy định của UBKT Nhà nước công ty báo cáo đúng quy định; không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan;

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Trưởng Kiểm toán nội bộ được bổ nhiệm vào đầu năm 2020, bước đầu chưa xây dựng được Quy chế hoạt động cụ thể cho chức năng giám sát, kiểm tra. Định hướng năm 2021, kiểm toán nội bộ kết hợp với kiểm toán nội bộ Tổng công ty và các bộ phận pháp chế xây dựng quy chế, kế hoạch kiểm tra giám sát toàn diện hơn các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh – tài chính; Tính tuân thủ các quy chế, quy định ban hành nội bộ Nhằm đưa ra các đánh giá, khuyến nghị để kiểm soát rủi ro trên hệ thống.

Trên đây là báo cáo của Tiểu ban kiểm toán nội bộ trước Đại hội

Trân trọng./

Trưởng Tiểu ban Kiểm toán



Trần Thị Thu



Số: 05/2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng
năm 2020 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 15 Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị điện quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán hàng năm;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị điện;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán (*chi tiết theo tài liệu đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61364104/22007243-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thiết bị điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

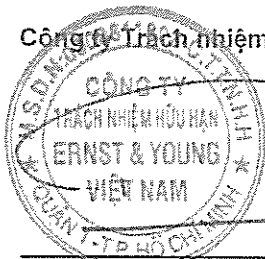
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Nguyễn An Khang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4611-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.136.362.398.484	2.004.392.354.187
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5	248.249.426.869	252.015.137.258
111	1. Tiền		122.878.326.869	182.944.037.258
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.371.100.000	69.071.100.000
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		198.226.626.500	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	154.526.626.500	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	43.700.000.000	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		1.053.810.305.929	1.059.104.225.681
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	335.718.290.387	388.274.830.197
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	32.433.994.941	14.628.664.400
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	696.857.141.654	664.705.827.934
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(11.199.121.053)	(8.505.096.850)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	10	615.346.274.684	679.008.136.551
141	1. Hàng tồn kho		618.551.141.811	679.008.136.551
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.204.867.127)	-
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		20.729.764.502	14.264.854.697
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	394.368.702	352.169.253
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.395.851.903	13.912.685.444
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	8.939.543.897	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.157.589.300.944	1.182.050.431.107
210	<i>I. Khoản phải thu dài hạn</i>		506.775.000	506.775.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	506.775.000	506.775.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		290.377.366.756	247.120.657.988
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	248.828.817.972	245.953.239.923
222	Nguyên giá		540.481.044.158	509.650.623.453
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(291.652.226.186)	(263.697.383.530)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	41.548.548.784	1.167.418.065
228	Nguyên giá		44.404.143.991	3.112.180.725
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.855.595.207)	(1.944.762.660)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		29.031.297.729	56.092.658.888
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	29.031.297.729	56.092.658.888
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		526.741.147.201	535.850.851.992
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	6.3	526.741.147.201	505.850.851.992
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	-	30.000.000.000
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		310.932.714.258	342.479.487.239
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	139.662.777.528	143.517.873.598
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.433.473.983	7.895.593.048
269	3. Lợi thế thương mại	4	169.836.462.747	191.066.020.593
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.293.951.699.428	3.186.442.785.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.948.515.483.227	1.944.027.221.402
310	I. Nợ ngắn hạn		1.542.889.742.955	1.436.048.315.292
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	380.582.585.013	183.462.361.208
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	48.872.711.222	11.396.727.350
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	9.161.682.992	27.608.302.768
314	4. Phải trả người lao động	18	45.388.293.633	41.385.624.213
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	24.224.900.148	35.991.307.191
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.994.876.189	3.230.968.680
320	7. Vay ngắn hạn	21	1.003.016.956.443	1.107.476.720.827
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	21.089.411.973	21.353.668.006
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.558.325.342	4.142.635.049
330	II. Nợ dài hạn		405.625.740.272	507.978.906.110
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	72.620.064.000	44.697.450.000
338	2. Vay dài hạn	21	333.005.676.272	463.281.456.110
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.345.436.216.201	1.242.415.563.892
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.345.436.216.201	1.242.415.563.892
411	1. Vốn cổ phần	22.1	488.000.000.000	488.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		488.000.000.000	488.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	355.386.860.247	355.386.860.247
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.1	(224.441.613.184)	(224.441.613.184)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	72.362.153.403	72.362.153.403
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	555.289.778.483	454.382.798.480
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		404.871.218.825	289.494.663.320
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		150.418.559.658	164.888.135.160
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22.6	98.839.037.252	96.725.364.946
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.293.951.699.428	3.186.442.785.294

Phạm Đăng Trình
Người lập kiểm
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

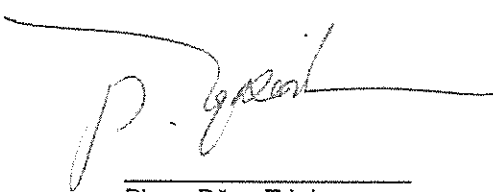
VND

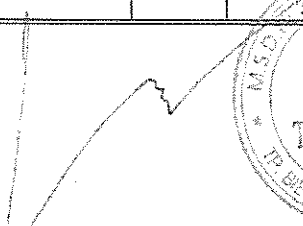
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.831.218.666.185	3.005.777.750.463
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(281.810.672)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.830.936.855.513	3.005.777.750.463
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(2.347.866.857.872)	(2.513.318.272.596)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		483.069.997.641	492.459.477.867
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.060.649.393	32.198.400.353
22	7. Chi phí tài chính	25	(106.866.444.921)	(102.498.681.982)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(103.666.063.360)	(100.134.889.866)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		31.440.039.709	29.460.423.353
25	9. Chi phí bán hàng	26	(103.633.334.258)	(114.022.850.065)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(115.847.645.377)	(116.232.471.081)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		193.223.262.187	221.364.298.445
31	12. Thu nhập khác		609.186.126	1.023.540.340
32	13. Chi phí khác		(396.345.853)	(391.203.073)
40	14. Lợi nhuận khác		212.840.273	632.337.267
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		193.436.102.460	221.996.635.712
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(26.589.177.490)	(56.286.636.407)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(6.462.119.065)	7.133.609.796
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		160.384.805.905	172.843.609.101


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

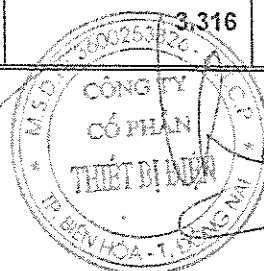
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		150.418.559.658	164.888.135.160
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		9.966.246.247	7.955.473.941
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.5	3.316	3.641
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5	3.316	3.641


Phạm Đăng Trinh
Người lập kiểm
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



Ngày 19 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		193.436.102.460	221.996.635.712
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		56.507.056.324	52.959.715.417
03	Dự phòng		5.634.635.297	7.404.263.352
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(37.487.631.879)	(54.515.080.208)
06	Chi phí lãi vay	25	103.666.063.360	102.121.379.765
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		321.756.225.562	329.966.914.038
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		5.011.614.999	(688.636.083.670)
10	Giảm hàng tồn kho		60.456.994.740	15.818.220.560
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		254.824.971.421	(70.666.026.729)
12	Giảm chi phí trả trước		2.104.259.098	2.646.756.824
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(154.526.626.500)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(108.469.612.269)	(81.935.634.883)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(45.207.963.871)	(62.941.261.071)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.603.714.764)	(6.838.862.161)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		332.346.148.416	(562.585.977.092)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(50.490.346.925)	(77.959.815.590)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.412.636.362	761.363.635
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(13.700.000.000)	-
24	Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	140.648.130.071
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.001.065.860	36.498.703.416
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(47.776.644.703)	99.948.381.532

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.055.019.347.808	2.509.188.956.935
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.292.138.679.910)	(1.787.396.658.872)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	22.3	(44.159.882.000)	(175.733.960.700)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	22.6	(7.056.000.000)	(4.998.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(288.335.214.102)	541.060.337.363
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.765.710.389)	78.422.741.803
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		252.015.137.258	173.592.395.455
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	248.249.426.869	252.015.137.258

Phạm Đăng Trình
Người lập kiêm
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61364104/22007243

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thiết bị điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

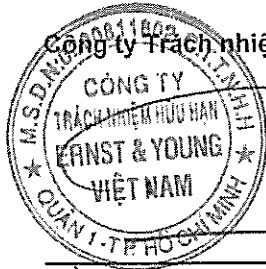
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Nguyễn An Khang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4611-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.748.096.671.681	1.749.961.552.267
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	200.161.990.758	163.499.451.264
111	1. Tiền		80.161.990.758	113.499.451.264
112	2. Các khoản tương đương tiền		120.000.000.000	50.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		154.526.626.500	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	154.526.626.500	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		890.239.694.612	967.171.704.606
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	167.866.927.452	309.363.069.736
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	37.232.083.217	3.705.005.544
136	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8	693.987.749.051	662.608.726.176
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(8.847.065.108)	(8.505.096.850)
140	IV. Hàng tồn kho	9	494.228.815.914	619.290.396.397
141	1. Hàng tồn kho		497.433.683.041	619.290.396.397
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.204.867.127)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.939.543.897	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	8.939.543.897	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		989.455.989.809	972.278.170.367
210	I. Khoản phải thu dài hạn		506.775.000	506.775.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	506.775.000	506.775.000
220	II. Tài sản cố định		86.552.164.676	73.281.527.140
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	84.821.371.931	72.114.109.075
222	Nguyên giá		340.776.121.827	311.845.044.168
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(255.954.749.896)	(239.730.935.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.730.792.745	1.167.418.065
228	Nguyên giá		4.082.365.725	3.112.180.725
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.351.572.980)	(1.944.762.660)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		24.284.026.456	9.935.973.698
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	24.284.026.456	9.935.973.698
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	751.016.259.645	751.016.259.645
251	1. Đầu tư vào công ty con		285.469.200.000	285.469.200.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		465.547.059.645	465.547.059.645
260	V. Tài sản dài hạn khác		127.096.764.032	137.537.634.884
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	125.675.988.158	129.668.797.482
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.420.775.874	7.868.837.402
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.737.552.661.490	2.722.239.722.634

2531
ÔNG
Ổ PH
JET
HÓA

3
H
T
R

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.539.339.324.076	1.623.016.453.069
310	I. Nợ ngắn hạn		1.212.120.409.933	1.188.181.326.806
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	328.919.680.129	170.700.623.016
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	45.857.660.422	4.317.518.048
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.129.225.127	24.279.449.844
314	4. Phải trả người lao động		42.568.846.813	38.592.145.008
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	23.810.296.525	35.649.722.759
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.703.152.224	3.156.486.224
320	7. Vay ngắn hạn	20	739.132.840.390	889.243.712.120
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	18.416.779.573	18.833.265.577
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.581.928.730	3.408.404.210
330	II. Nợ dài hạn		327.218.914.143	434.835.126.263
338	1. Vay dài hạn	20	327.218.914.143	434.835.126.263
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.198.213.337.414	1.099.223.269.565
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.198.213.337.414	1.099.223.269.565
411	1. Vốn cổ phần		488.000.000.000	488.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		488.000.000.000	488.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		355.386.860.247	355.386.860.247
415	3. Cổ phiếu quỹ		(224.441.613.184)	(224.441.613.184)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		72.362.153.403	72.362.153.403
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		506.905.936.948	407.915.869.099
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		359.233.376.607	251.832.785.531
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		147.672.560.341	156.083.083.568
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.737.552.661.490	2.722.239.722.634

Phạm Đăng Trình
Người lập kiêm
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

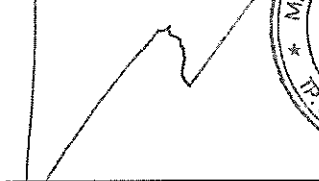
Ngày 19 tháng 3 năm 2021

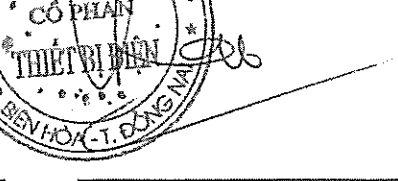
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

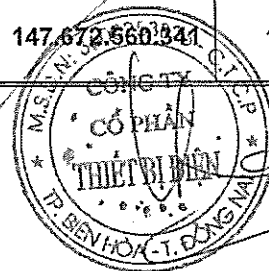
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.327.726.852.907	2.637.537.214.048
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.904.173.040.854)	(2.189.761.318.223)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		423.553.812.053	447.775.895.825
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	19.041.040.128	34.776.246.437
22	5. Chi phí tài chính	25	(87.904.141.155)	(87.896.754.444)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(85.056.488.644)	(85.765.692.854)
25	6. Chi phí bán hàng	26	(102.242.833.163)	(111.490.769.303)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(77.520.247.979)	(83.024.504.298)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		174.927.629.884	200.140.114.217
31	9. Thu nhập khác		609.186.126	443.181.817
32	10. Chi phí khác		(296.895.686)	(228.693.954)
40	11. Lợi nhuận khác		312.290.440	214.487.863
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		175.239.920.324	200.354.602.080
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(21.119.298.455)	(51.378.372.662)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(6.448.061.528)	7.106.854.150
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		147.672.560.341	156.083.083.568


Phạm Đăng Trình
Người lập kèm
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



Ngày 19 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		175.239.920.324	200.354.602.080
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	23.042.448.398	21.305.603.315
03	Dự phòng		3.130.349.381	5.616.360.923
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.202.534.085)	(34.950.891.570)
06	Chi phí lãi vay	25	85.056.488.644	87.752.182.753
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		267.266.672.662	280.077.857.501
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		67.351.749.300	(746.857.783.973)
10	Giảm hàng tồn kho		121.856.713.356	29.961.655.470
11	Tăng các khoản phải trả		199.637.771.736	22.870.661.729
12	Giảm chi phí trả trước		2.284.171.801	3.016.970.262
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(154.526.626.500)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(89.518.453.121)	(66.521.885.569)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(41.458.519.493)	(58.560.139.479)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.210.219.433)	(5.912.895.102)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		370.683.260.308	(541.925.559.161)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(49.907.270.459)	(13.950.910.009)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.412.636.362	761.363.635
24	Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	137.048.424.670
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		18.744.667.013	45.188.158.851
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(29.749.967.084)	169.047.037.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ đi vay		1.535.773.001.580	2.085.639.772.819
36	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.795.883.873.310)	(1.466.702.352.405)
36	Cổ tức đã trả	22.3	(44.159.882.000)	(175.733.960.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(304.270.753.730)	443.203.459.714
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		36.662.539.494	70.324.937.700
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		163.499.451.264	93.174.513.564
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	200.161.990.758	163.499.451.264

Phạm Đăng Trình
Người lập kiêm
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021



Số: 06/2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị điện;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đề nghị duyệt phương án phân phối
I	Lợi nhuận chưa phân phối	506.905.936.948
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	147.672.560.341
	- Lợi nhuận tích lũy còn lại	359.233.376.607
II	Phân phối lợi nhuận năm 2020	54.467.137.991
1	- Chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng)	44.000.000.000
2	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%/ LN sau thuế)	4.430.176.810
3	- Quỹ thưởng ban điều hành (20% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch (20.218.559.658 đồng) theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)	4.043.711.932
III	Lợi nhuận tích lũy còn lại chuyển sang năm 2021	452.438.798.957

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn



Số: 07/2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
Thù lao HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát
và Quỹ thưởng Ban điều hành**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị điện,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu hợp nhất	2.860 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	197,8 tỷ đồng
3	Cổ tức bằng tiền mặt	10%
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3% LNST
5	Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty	Tối đa 20% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch
6	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát. Trong đó:	1,46 tỷ đồng
	- Thù lao Hội đồng quản trị	960 triệu đồng
	- Thù lao Ban kiểm toán nội bộ	132 triệu đồng
	- Thù lao Ban kiểm soát	372 triệu đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**





Số: 08/2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị điện,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất:

Đề công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 được thuận lợi, kính trình Đại hội chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một (01) trong ba (04) đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu trên như sau:

2.1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh

2.2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

Địa chỉ: Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

2.3) Công ty TNHH KPMG;

Địa chỉ: Tầng 10, Sun Wah Tower, số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

2.4) Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị điện. Công tác bầu cử thành viên Ban kiểm soát ("BKS") tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ("Đại hội") Công ty cổ phần Thiết bị điện ("Công ty") được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc bầu cử thành viên BKS của Công ty cổ phần Thiết bị điện nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Các cổ đông, ứng cử viên tham gia đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên BKS của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của Quy chế này.

Điều 2. Quy định chung

1. Công việc tổ chức bầu cử thành viên BKS được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Ban Kiểm phiếu thực hiện. Ban Kiểm phiếu bao gồm 03 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Công việc tổ chức bầu cử cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra và công bố danh sách các ứng cử viên BKS;
- Tiến hành bỏ kiểm phiếu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo về ứng cử viên cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Nguyên tắc bầu cử thành viên BKS

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ công bằng;
- Số lượng thành viên BKS được bầu cử là 03 thành viên.
- Bầu cử BKS theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của BKS.
- Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên được bầu của BKS.
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên phải bằng hoặc thấp hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông.



- Cổ đông có thể bầu cho các ứng cử viên trong danh sách các ứng cử viên vào BKS với số phiếu bầu khác nhau tùy theo mức độ tín nhiệm của mình đối với từng ứng cử viên.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên BKS và Danh sách ứng cử viên BKS được lập trên cơ sở đề cử của các cổ đông hoặc ứng cử của các cổ đông cá nhân đáp ứng đủ điều kiện tuân theo Thông báo về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị điện. Ban tổ chức Đại hội Công ty có trách nhiệm nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử, được đề cử, công bố bản thông tin cá nhân của các ứng cử viên, và kiểm tra lại danh sách trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 3. Thể lệ bầu cử

1. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử thành viên BKS màu xanh.

- Trên phiếu bầu ghi mã số cổ đông/mã số dự họp, tên/họ và tên cổ đông/người đại diện của cổ đông, số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp, số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số phiếu bầu thành viên BKS, danh sách các ứng cử viên bầu vào BKS và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Thiết bị điện tại góc trên bên trái.

- Khi được phát Phiếu bầu cử, cổ đông/đại diện của cổ đông phải kiểm tra lại toàn bộ thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

2. Cách thức ghi Phiếu bầu cử và cách thức bầu cử

- Mỗi Phiếu bầu cử BKS được bầu tối đa 03 ứng cử viên. Cổ đông/người đại diện của cổ đông ghi cụ thể số lượng phiếu bầu vào phần ghi Số phiếu bầu tương ứng với ứng cử viên mình bầu.

- Tổng số phiếu bầu mà cổ đông/người đại diện của cổ đông bầu cho thành viên BKS không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông. Trường hợp bầu vượt quá là không hợp lệ.

- Nếu cổ đông/người đại diện của cổ đông không bầu ứng cử viên nào thì để trống hoặc gạch chéo (X) vào phần ghi Số phiếu bầu của ứng cử viên đó. Cổ đông/người đại diện của cổ đông không được gạch vào phần ghi Họ và tên ứng cử viên.

- Việc bỏ Phiếu bầu cử được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau mười lăm (15) phút kể từ thời điểm Chủ tọa bắt đầu tuyên bố thời gian bỏ phiếu, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.

- Trường hợp cổ đông/người đại diện của cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu bầu cử bổ sung thành viên BKS do bị rách, nát, ghi sai, nếu chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Thư ký Đại hội trả lại Phiếu bầu cử đã nhận để đổi lấy Phiếu bầu cử thành viên BKS mới nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Thư ký tập hợp các Phiếu bầu cử cũ gửi lại Chủ tọa Đại hội.

- Cổ đông/người đại diện của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu cử trước khi bỏ vào thùng phiếu.

3. Ví dụ bầu thành viên BKS

- Cổ đông Nguyễn Văn Y có 10.000 cổ phần, bầu 03 thành viên BKS. Như vậy, cổ đông Y có tổng số phiếu bầu là $10.000 \times 3 = 30.000$ phiếu.

- Cổ đông Y có quyền dồn hết 30.000 phiếu cho một ứng cử viên B; hoặc
- Cổ đông Y có thể chia 30.000 phiếu bầu của mình cho ứng cử viên A: 15.000 phiếu, ứng cử viên B: 10.000 phiếu, ứng cử viên C: 5.000 phiếu.

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định hoặc không có dấu của Công ty;
- Phiếu ghi thêm tên ngoài danh sách ứng cử viên bầu cử hoặc tẩy/gạch/xóa, viết thêm các thông tin khác;
- Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó sở hữu;
- Phiếu không bầu ai (phiếu trắng);
- Phiếu gạch, xóa tên ứng cử viên;
- Phiếu bầu ghi bằng tỷ lệ phần trăm (%);
- Phiếu bầu cử không được cổ đông/đại diện của cổ đông ký và ghi rõ họ tên.
- Phiếu bầu cử bầu số người vượt quá số tối đa theo quy định tại Điều 3.2 Quy chế này;
- Phiếu bầu cử ghi số lượng phiếu bầu không đúng với hướng dẫn cách ghi phiếu bầu tại Điều 3.2 Quy chế này;

5. Phiếu bầu hợp lệ: Là những phiếu không vi phạm những quy định trên. Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên ít hơn tổng số lượng phiếu bầu của cổ đông đó sở hữu vẫn hợp lệ.

6. Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa phiên họp và toàn thể Đại hội đồng cổ đông. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên Phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông. Biên bản và toàn bộ Phiếu bầu cử phải được niêm phong và giao lại cho Chủ tọa phiên họp.

7. Trúng cử

- Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định;
- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Trường hợp bầu cử bổ sung thành viên BKS theo Khoản này sẽ dùng phiếu bầu cử mới có màu khác do Ban kiểm phiếu phát.
- Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế bầu cử này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông trước khi tiến hành thực hiện.
2. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ ít nhất từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thì Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành ngay.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
TP. BIÊN HÒA - T. D. C. B. N. I.
Nguyễn Văn Tuấn





Số: 09/2021/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Thiết bị điện
với Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (GELEX)
và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thiết bị điện;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện;

Căn cứ nhu cầu thực tế sản xuất kinh doanh, nhu cầu vốn và nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền, hiệu quả đầu tư.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động, liên kết sức mạnh từ các công ty trong hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện (“Công ty”) xin kính trình:

- 1) Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch trong giai đoạn từ ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, chi tiết như sau:

a, Các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

b, Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX trong lĩnh vực mua bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, chứng khoán, vốn, vay và cho vay (trừ các hợp đồng, giao dịch đã nêu tại mục a) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất so với thời điểm xác lập từng hợp đồng, giao dịch tương ứng.

Nội dung nêu tại Mục 1 này không bao gồm các hợp đồng, giao dịch không được phép xác lập, thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

- 2) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện từng hợp đồng, giao dịch nêu tại Mục 1 trên đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn



Số: 10/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quy định về quản trị công ty đại chúng theo Nghị định 155/2020/NĐ – CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng;

Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan;

Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua các nội dung sau:

I. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo Điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 như sau:

1) Nội dung thay đổi

- Cơ cấu tổ chức quản lý hiện tại: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- Cơ cấu tổ chức quản lý mới: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

Theo cơ cấu mới này, Công ty sẽ bỏ Ban kiểm toán nội bộ (hay còn gọi là Ủy ban kiểm toán theo Luật Doanh nghiệp 2020) trực thuộc Hội đồng quản trị. Thay vào đó, Công ty sẽ thành lập Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

2) Căn cứ pháp lý và lý do thay đổi

- Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Công ty cổ phần được quyền lựa chọn mô hình hoạt động có Ban kiểm soát hoặc không có Ban kiểm soát. Quy định này nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như thực tế đa dạng về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay. Hiện tại theo Luật Doanh nghiệp 2020 quy định các quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát đã được mở rộng hơn so với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014. Theo đó, tạo điều kiện đảm bảo hơn nữa quyền của các cổ đông trong việc giám sát hoạt động của Công ty.



Như vậy, việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như đề xuất tại Mục 1 nêu trên là nhằm hoàn thiện công tác quản trị điều hành và hoạt động kiểm soát, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

II. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty:

Nhằm phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như đề xuất tại Mục I trên cũng như đáp ứng yêu cầu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp những quy định mới theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo nội dung trong tờ trình và ban hành toàn văn Điều lệ sửa đổi như nêu tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021;
 - Thông qua toàn văn dự thảo và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty năm 2021 như nêu tại Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021;
 - Thông qua toàn văn dự thảo và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như nêu tại Phụ lục 03 đính kèm Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021;
 - Thông qua toàn văn dự thảo và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty nêu tại Phụ lục 04 đính kèm Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021.
- Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được ban hành, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

III. Bầu thành viên Ban kiểm soát

- Nhằm phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như đề xuất tại Mục I trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc bầu cử 03 thành viên Ban kiểm soát. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Thông báo về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
Nguyễn Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01

V/V SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Điều 1, Khoản b, Khoản c	"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	"Luật Doanh nghiệp" Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Sửa theo Luật Doanh nghiệp 2020
2	Điều 11	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc.	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	Như nêu tại mục I của Tờ trình này
3	Điều 14 Khoản 1	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
4	Điều 15	Khoản 2 điểm n: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Khoản 1 điểm p: Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán với giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và Điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
5	Điều 16 Khoản 2	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền; - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó và chữ ký của cá nhân được ủy quyền; - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. - Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể được lập theo mẫu của Công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC. Việc quy định chung như này tạo điều kiện linh hoạt cho cổ đông thực hiện quyền trên thực tế.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
6	Điều 17 Khoản 1	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.	Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	Bổ sung phù hợp với Điều 148 Khoản 6 Luật Doanh Nghiệp 2020
7	Điều 18 Khoản 2 Điểm a	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật;	- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Bổ sung theo Điều 141 Khoản 1 Luật Doanh Nghiệp 2020
8	Điều 18 Khoản 3	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (10) ngày trước ngày họp.	- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà	Bổ sung theo Điều 143 Khoản 1 Luật Doanh Nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
		đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	
9	Điều 18 Khoản 5 Điểm b	Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020
10	Điều 19 Khoản 1, Khoản 2	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày.	Bổ sung theo Điều 145 Khoản 1, Khoản 2 Luật Doanh Nghiệp 2020
11	Điều 21 Khoản 1	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Điều 148 Khoản 2 Luật Doanh Nghiệp 2020
12	Điều 22 Khoản 10	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Điều 148 Khoản 4 Luật Doanh Nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
13	Điều 23 Khoản 1 Điểm i	Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trưởng hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Bổ sung theo Điều 150 Khoản 1 Luật Doanh Nghiệp 2020
14	Điều 25 Khoản 2	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p>	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p>	Sửa đổi phù hợp với khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
		<p>quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;</p> <p>g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;</p> <p>h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>		
15	Điều 26 Khoản 2, Khoản 3	<p>- Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại</p>	<p>- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức thì đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong thời gian chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thành viên này vẫn phải tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Bổ sung theo Điều 26 Khoản 3 Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều 160 Luật Doanh Nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
		hội đồng cổ đông; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
16	Điều 30	Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Bổ sung theo Điều 158 Luật Doanh Nghiệp 2020
17		Không có	Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên; Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát; Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát; Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.	Phù hợp với mô hình tổ chức quản lý mới của công ty
17	Các nội dung khác	- Tham chiếu cập nhật các Số điều, khoản, mục tương xứng với Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ – CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Các chỉnh sửa chi tiết khác tại dự thảo Điều lệ sửa đổi.		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)**

**(sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
vào ngày 29 tháng 04 năm 2021)**

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN , THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	36
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	37
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	37
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	38
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	38
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	39
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	39
Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát	39
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát.....	40
Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	42
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS.....	42
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng.....	42
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	44
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	46
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	46
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	46
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	46

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 48. Năm tài chính.....	47
Điều 49. Chế độ kế toán	47
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	47
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	47
Điều 51. Báo cáo thường niên	48
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 52. Kiểm toán.....	48
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	48
Điều 53. Con dấu	48
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	48
Điều 54. Chấm dứt hoạt động.....	48
Điều 55. Thanh lý	48
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	49
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	49
CHƯƠNG XX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON.....	50
Điều 57. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con.....	50
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 58. Điều lệ Công ty	51
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua chính thức tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 06 tháng 12 năm 2007 và được sửa đổi gần nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 29 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ;
 - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;"Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - h. "Công ty" là Công ty cổ phần Thiết bị điện;
 - i. "Công ty mẹ", "công ty con" là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp. Trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh và thực tế áp dụng Công ty sẽ được hiểu là "công ty mẹ" hoặc "công ty con";
 - k. "**Công ty liên kết**" là công ty trong đó (i) THIBIDI nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết nhưng không phải là công ty con hoặc (ii) các trường hợp khác theo quy định pháp luật liên quan.
 - l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của văn bản hay quy định đó.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty cổ phần Thiết bị điện**

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Electrical Equipment Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: **THIBIDI**

2. Công ty cổ phần Thiết bị điện là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3836443 – 0251 3836139 – 0251 3836609

Fax: 0251 3836070 – 0251 3836609

E-mail: tmthibidi@hcm.vnn.vn

Website: www.thibidi.com/www.thibidi.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm

việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành nghề
1	Vận tải hàng khách đường bộ khác
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác
3	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện <i>Chi tiết: Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng.</i>
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng</i> - Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp
5	Lắp đặt hệ thống điện <i>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp</i> - Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Thiết kế các công trình thiết bị điện.</i>
7	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng.</i>
8	Sửa chữa thiết bị điện <i>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp.</i>

9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê văn phòng</i>
---	--

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong việc sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **488.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tám tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 48.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, các cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết hoặc đăng ký nhưng không thanh toán tiền mua sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những

điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể chào bán, phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
 - d. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền);
 - e. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từng lần.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc số giấy tờ pháp lý khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
3. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao

dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Cổ đông thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt chào bán/phát hành và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường khi pháp luật cho phép hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

Không áp dụng

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán chuyên ngành;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến chính cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/ số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ($1/3$) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ($1/3$) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 của Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - d) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - e) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - i) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - j) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - l) Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

- m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
 - o) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - p) Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán với giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - q) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể được lập theo mẫu của Công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu).

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp pháp của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Công ty được miễn trừ mọi nghĩa vụ pháp lý liên quan đến việc gian dối, giả mạo giấy ủy quyền (nếu có). Các quyết định của ĐHĐCĐ đã được thông qua vẫn giữ nguyên hiệu lực trong trường hợp có sự gian dối, giả mạo giấy ủy quyền.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần

ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

- e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - g. Lập thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - h. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, những cá nhân, tổ chức không phải là cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông hoặc khách mời hoặc người trong ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chỉ được tham dự Đại hội khi có sự đồng ý của người triệu tập cuộc họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ hay không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
8. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
10. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.
12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
13. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
- a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
15. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
16. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng thông qua thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được

các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp xin chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại, giải thể Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để cổ đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc sổ giấy tờ pháp lý khác của cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu tổ chức có con dấu);
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
6. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- f. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp tổng số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.
- 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức thì đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong thời gian chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thành viên này vẫn phải tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
 - c. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ này.Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ; cử người đại diện

- theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác;
 - g. Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
 - h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
 - i. Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;
 - j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
 - m. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - o. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;
 - p. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;
 - q. Trình báo cáo tài chính năm của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
 - s. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - t. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - u. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, phần vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.
 - d. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - e. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - f. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của công ty;
 - f. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành

viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị,

thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường
Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ban kiểm soát, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo mời họp
Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và

phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Điều kiện tiến hành họp

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Biểu quyết
- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
12. Công khai lợi ích
- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Nguyên tắc biểu quyết đa số
- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 15 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền

biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng nên đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc (nếu cần thiết), Kế toán trưởng, các Giám đốc chuyên môn, và các chức danh quản lý khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Trong Quý IV hàng năm, trình Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán,

báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

- i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định và theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm thành viên Ban kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp khoản 2 Điều này;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại

hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ,

- yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với

tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Việc cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng vừa nêu trên tuân theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
 - a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - i. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm a Khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:

- i. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm a Khoản này có giá trị từ 35% trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
- ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay (nếu được phép theo quy định về quản trị công ty đại chúng), bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục i và ii của điểm c nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 21 và Khoản 10 Điều 22 Điều lệ này.

- d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền, đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến chính cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo bản gốc giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu quan trọng khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.

Công ty tạo điều kiện để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất. Khi có nhu cầu xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan, cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải gửi văn bản đề nghị đến Công ty trong giờ làm việc. Văn bản đề nghị nêu rõ tên cổ đông, số

lượng từng loại cổ phần của cổ đông, thông tin cần xem xét/ trích lục/sao chép, lý do đưa ra đề nghị. Công ty có quyền không cung cấp các thông tin cá nhân (như Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng ...) để bảo đảm bảo mật thông tin cá nhân của người kê khai và người có liên quan của người kê khai.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Trong trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng

các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này.
2. Công ty phải lập báo cáo tài chính sáu tháng, và báo cáo tài chính quý theo Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố thông tin và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (a) đến Điểm (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty, xảy ra giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm toán nội bộ chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

Điều 57. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con

1. Công ty mẹ và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình;
2. Công ty mẹ sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa công ty mẹ và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty mẹ giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ trực tiếp thay mặt công ty mẹ quản lý các khoản vốn góp của công ty mẹ tại công ty con trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.
4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do công ty mẹ ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Công ty mẹ sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.
6. Công ty mẹ thực hiện quyền của cổ đông tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị /Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của công ty con.
7. Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của công ty mẹ tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của công ty mẹ đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ công ty mẹ, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của công ty mẹ về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa công ty mẹ với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công ty mẹ thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để công ty mẹ tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.

8. Công ty mẹ và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của công ty mẹ và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị điện nhất trí thông qua sửa đổi và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này ngày 29 tháng 04 năm 2021.
2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật ./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Phan Ngọc Thảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THẢO
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHCD
ngày 29 tháng 04 năm 2021)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của Công Ty.....	5
Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công Ty	5
Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt.....	5
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	6
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 9. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền.....	11
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu	12
Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.	12
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	15
Điều 20. Giải thích thuật ngữ liên quan.....	17
Điều 21. Tổ chức Đại hội trực tuyến	18
Điều 22: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến.....	18
Điều 23. Xác nhận tư cách cổ đông, tham dự, thảo luận tại Đại hội trực tuyến.....	19

Điều 24. Bỏ phiếu điện tử.....	19
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 29. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	26
Điều 37. Thường trực HĐQT.....	30
Điều 38. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị.....	31
CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	32
Điều 40. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	34
CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	37
Điều 41. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.....	37
Điều 42. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.....	37
Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	38
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.....	38
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	38
Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ng nghị quyết, xin ý kiến.....	38

Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 47. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc.....	40
Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên.....	40
CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	41
Điều 49. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	41
Điều 50. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	41
Điều 51. Khen thưởng.....	42
Điều 52. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	42
CHƯƠNG IX: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	42
Điều 53. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	42
Điều 54. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	43
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.....	43
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	43
Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	43
Điều 57. Hiệu lực.....	44

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện (“Công Ty”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều lệ Công Ty và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công Ty và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công Ty.

Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của Công Ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát.
3. Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công Ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công Ty.
5. Minh bạch trong hoạt động của Công Ty.
6. Hội đồng quản trị lãnh đạo Công Ty có hiệu quả.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. ***Định nghĩa***

- a. Ban Tổng giám đốc: Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
 - b. Ban Điều hành: Bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc chuyên môn.
 - c. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - d. Người phụ trách quản trị Tổng công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
 - e. Điều lệ: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty.
 - f. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.
2. **Các từ viết tắt**
- a. Công Ty : Công ty cổ phần Thiết bị điện
 - b. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
 - c. HĐQT : Hội đồng quản trị.
 - d. TGD : Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công Ty quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường.
- 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- f. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- i. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
- j. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- k. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- l. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
- m. Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công Ty;
- n. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- o. Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- q. Chấp thuận việc Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán với giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giá trị giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
- 3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công Ty và quy định pháp luật.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.
- 2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật liên quan), thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp

khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (theo yêu cầu bắt buộc của quy định pháp luật liên quan), thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- d. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Điều 9. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công Ty (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp hoặc đăng tải trên website của Công Ty) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ.
 - Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
 - Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền có thể được lập theo mẫu của Công Ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền; chữ ký của bên ủy quyền, bên được ủy quyền và đóng dấu nếu là tổ chức (nếu có con dấu).
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
4. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm bản gốc hoặc bản sao hợp pháp của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ hay không hợp lệ, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định.
2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết

- của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.
 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
 4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp)

1. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu (“V” hoặc “X”) vào ô biểu quyết “Không tán thành” trên thẻ biểu quyết.

2. Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu thẻ biểu quyết không tán thành việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển thẻ biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.
3. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
4. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thuê tổ chức thẩm định giá như nêu trên do cổ đông thanh toán.
5. Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 16. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông

1. Công Ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
3. Việc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân theo quy định tại Mục 4 Chương II Quy chế này.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
- 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ ngày ghi trên Nghị quyết theo quy định của pháp luật liên quan.

Mục 3. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 19. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc vấn đề sau đây:

- Tổ chức lại, giải thể Công Ty.
- 2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích lấy ý kiến;
 - ✓ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc sổ giấy tờ pháp lý khác của cá nhân đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - ✓ Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - ✓ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - ✓ Thời hạn phải gửi về Công Ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công Ty.
 - d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu tổ chức có con dấu).
 - e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:
 - ✓ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ✓ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - f. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm

kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- g. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người nắm giữ chức vụ quản lý. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ✓ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- ✓ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- ✓ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- ✓ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- h. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- j. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Trình tự và thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

Điều 20. Giải thích thuật ngữ liên quan

1. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.

2. Đại hội trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
3. Đại hội truyền thống là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
4. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử.
5. Tài khoản truy cập bao gồm thông tin tên truy cập (username), mật khẩu (password) và các phương tiện xác thực khác (nếu có) được Công Ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.
6. Hệ thống là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

Điều 21. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội truyền thống theo quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Hội đồng quản trị được chủ động triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.
2. Việc triệu tập họp Đại hội trực tuyến, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp, điều kiện tiến hành Đại hội, điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội, lập Biên bản họp Đại hội vẫn tuân thủ theo như các quy định về tổ chức Đại hội truyền thống.
3. Căn cứ theo cách thức tổ chức Đại hội trực tuyến cụ thể, Ban tổ chức đại hội gửi nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông và/hoặc đăng tải nội dung hướng dẫn chung trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
4. Hội đồng Quản trị được quyền ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phù hợp với yêu cầu của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến khi tổ chức Đại hội.
5. Đại hội sẽ thông qua quy chế họp Đại hội trực tuyến/quy chế làm việc tại Đại hội trực tuyến phù hợp tại mỗi lần Đại hội trực tuyến nếu cần thiết.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông phải tuân thủ các hướng dẫn liên quan đến công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nhằm đảm bảo cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến được diễn ra một cách có trật tự, ổn định, hợp lệ.
2. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.

3. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Việc tham dự tại Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như việc tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội truyền thống.
4. Cổ đông được sử dụng Tài khoản truy cập do Công Ty cấp để đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào Hệ thống trong suốt thời gian diễn ra đại hội.
5. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công Ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.
6. Cổ đông chịu trách nhiệm khi cố ý sử dụng công nghệ để gây gián đoạn cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thay đổi kết quả bỏ phiếu điện tử.
7. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất khỏi Hệ thống.

Điều 23. Xác nhận tư cách cổ đông, tham dự, thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công Ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng nhập tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công Ty.
3. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.
4. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội.

Điều 24. Bỏ phiếu điện tử

1. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu điện tử.

2. Ý kiến biểu quyết được Hệ thống ghi nhận ngay trước thời điểm kết thúc biểu quyết cho từng vấn đề tương ứng là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
3. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa sẽ thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình.
4. Các nội dung cụ thể liên quan đến việc bỏ phiếu điện tử tuân theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội và/hoặc quy chế họp Đại hội trực tuyến/quy chế làm việc tại Đại hội trực tuyến.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
2. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Quyền hạn và nghĩa vụ của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trong trường hợp Công Ty phải có thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật):
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công Ty.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
 - b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công Ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công Ty;
 - c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết;
 - e. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty để phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc yêu cầu cung cấp thông tin không được làm gián đoạn, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận, phòng ban trong Công Ty.
4. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do các văn bản nội bộ khác của Công Ty quy định.

**Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm
thành viên Hội đồng quản trị**

Điều 27. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đồng thời phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công Ty.
3. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. **Đề cử thành viên Hội đồng quản trị**
Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, thoả mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

3. Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của Công Ty trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

- 4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm họp và ra quyết định đề cử/giới thiệu bổ sung ứng viên với điều kiện ứng viên được đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT như quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đề cử/giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt

cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp Công Ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.
2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Các lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
- Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 35. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công Ty.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành

viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

2. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác
- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát hoặc Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho bộ phận thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/phản đối/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 42 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- 12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
- 13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
- 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 15. Căn cứ vào Biên bản họp, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định thì Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin.

Điều 37. Thường trực HĐQT

- 1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị, bao gồm một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị cử ra nếu xét thấy cần thiết để thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết, quyết định một số vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp và/hoặc xử lý các công việc, giao dịch theo phân quyền chi tiết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Hội đồng quản trị chỉ định một trong số các thành viên Thường trực Hội đồng quản trị làm Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị.
- 2. Thường trực Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm cá nhân. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của mình theo nguyên tắc:
 - a. Các quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị thông qua theo các phương thức sau:
 - Các thành viên bàn bạc dân chủ tại cuộc họp trực tiếp; hoặc
 - Được tổ chức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản (gửi thư/văn bản lấy ý kiến qua đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp, hoặc thông qua hệ thống thư điện tử (email) của Công Ty); hoặc

- Được tổ chức họp qua điện thoại có ghi âm; hoặc
- Các hình thức họp khác phù hợp với quy định pháp luật; hoặc
- Tổng hợp một số phương thức trên.

Nguyên tắc tổ chức họp trực tiếp, họp qua hội nghị trực tuyến hoặc lấy ý kiến từ xa bằng văn bản của Thường trực HĐQT được áp dụng tương tự như đối với trường hợp họp HĐQT theo quy định tại Điều 36 Quy chế này.

- b. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Thường trực Hội đồng quản trị quyết định theo đa số, trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu biểu quyết nhất trí, tán thành của Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị/ thành viên được Người điều hành Thường trực Hội đồng quản trị ủy nhiệm chủ tọa phiên họp là quyết định được thông qua.
 - c. Quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến từ xa bằng văn bản/email/hội nghị trực tuyến có giá trị hiệu lực như đối với quyết định được thông qua trực tiếp tại cuộc họp Thường trực Hội đồng quản trị, với điều kiện các cuộc họp hoặc lấy ý kiến đó được tiến hành theo quy định tại các Quy chế này và Điều lệ Công Ty.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị:
- a. Thường trực Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị thường xuyên nắm tình hình hoạt động của Công Ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công Ty giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị;
 - b. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực hiện các nghị quyết/quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị;
 - c. Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn để báo cáo hoặc cùng đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị ra quyết định;
 - d. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

CHƯƠNG IV

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 38. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh quy định tại Chương này để sửa đổi, bổ sung thêm các nội dung cụ thể về cơ cấu của tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên tiểu ban đó.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Tham mưu các bộ phận liên quan và sử dụng tư vấn thuê ngoài.
- a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình, Ban kiểm soát có quyền đề nghị tất cả các nhân viên, phòng ban chuyên môn trong cơ quan tư vấn các ý kiến chuyên môn. Các nhân viên, phòng ban khi được Ban kiểm soát đề nghị cho ý kiến tư vấn chuyên môn có nghĩa vụ phối hợp và hỗ trợ Ban kiểm soát.
 - b) Trong trường hợp nếu thấy cần thiết, Ban kiểm soát có quyền đề nghị với Chủ tịch HĐQT để sử dụng dịch vụ tư vấn thuê ngoài. Chủ tịch HĐQT sẽ xem xét quyết định và trả lời Ban kiểm soát trong vòng không quá 05 ngày làm việc, chi phí thuê sẽ do Công ty chi trả.
 - c) Việc sử dụng ý kiến tư vấn không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với nội dung các báo cáo của Ban kiểm soát.
25. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban kiểm soát tổ chức họp và biểu quyết thông qua ứng cử viên để giới thiệu cho Đại hội đồng cổ đông bầu. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ chuyên môn;
 - (c) Quá trình công tác;
 - (d) Các chức danh quản lý khác;
 - (e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - (g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
7. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.
8. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng

ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 41. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc
Tổng giám đốc Công Ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn của những người điều hành khác
 - a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
 - b) Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
 - c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, miễn cưỡng trong công việc;
 - d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
 - e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty từng thời kỳ.

Điều 42. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc
 - a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
 - b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động

- c) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.
- 2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác
 - a) Công Ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
 - b) Những người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Vi phạm nội quy, quy chế Công Ty;
 - Tự lợi cá nhân;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.
 - c) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này tuân theo quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành Công Ty từng thời kỳ.

Điều 43. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được chi trả theo quy định của Hợp đồng lao động, quy định nội bộ của Công Ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công Ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ngợi quyết, xin ý kiến

- 1. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc và mời thành viên Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các khách mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập

họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành hoặc quy định nội bộ của Công Ty. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát để báo cáo.
3. Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Thường trực HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.
4. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, tạo điều kiện và hỗ trợ để Tổng Giám đốc điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6. Hội đồng quản trị có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Tổng Giám đốc.
7. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công Ty hoặc quyền lợi của

Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công Ty; Công Ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật; Công Ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Công Ty; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công Ty vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Công Ty có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện Công Ty đi lệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

Điều 47. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc

1. Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc báo cáo kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, Thường trực HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị:
 - Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công Ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám

độc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công Ty) cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công Ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát biết về rủi ro này.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI

THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.
3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 50. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:
Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công Ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:
 - Tự nhận xét đánh giá.
 - Cách thức khác do HĐQT/Ban kiểm soát/Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.
3. Ban kiểm soát sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công Ty từng thời kỳ.

Điều 51. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công Ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công Ty.

1. Đối với HĐQT, Ban kiểm soát: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công Ty. HĐQT/Ban kiểm soát thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 50 Quy chế này.

2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công Ty tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công Ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 52. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và các quy định khác có liên quan của Công Ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công Ty.
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công Ty từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.

Điều 54. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công Ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công Ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công Ty.

Điều 57. Hiệu lực

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 04 năm 2021 và do chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành.
2. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Trên cơ sở Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ của công ty phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của công ty để triển khai thực hiện.
4. HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

(Ban hành lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 04 năm 2021)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo	3
Điều 3. Danh mục viết tắt và giải thích từ ngữ	3
Điều 4. Trách nhiệm pháp lý và nguyên tắc hoạt động của HĐQT	4
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	4
Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	5
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	5
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	5
Điều 9. Chủ tịch HĐQT	6
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	6
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	7
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	8
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch có liên quan	9
Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	9
Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	10
Điều 17. Cuộc họp HĐQT	10
Điều 18. Biên bản họp HĐQT và lưu trữ các tài liệu của HĐQT	14
CHƯƠNG IV. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	15
Điều 19. Trình báo cáo hằng năm	15
Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	15
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan	15
Điều 22. Mọi quan hệ giữa các thành viên HĐQT	16
Điều 23. Mọi quan hệ với Tổng Giám đốc	16
Điều 24. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	16
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	17
Điều 26. Hiệu lực	17

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân, phòng ban có liên quan trong Công ty.

Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”).
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (gọi tắt là “Luật Chứng khoán”).
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị điện.
6. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thiết bị điện.
7. Các tài liệu liên quan khác.

Điều 3. Danh mục viết tắt và giải thích từ ngữ

1. THIBIDI/Công ty: Công ty cổ phần Thiết bị điện.
2. HĐQT: Hội đồng quản trị của Công ty.
3. Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
4. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty.
5. Thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
6. Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
7. Quy chế quản trị nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.
8. Quy chế: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
9. Các thuật ngữ chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ, Quy

chế quản trị nội bộ và quy định pháp luật liên quan. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.

Điều 4. Trách nhiệm pháp lý và nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện mọi vấn đề liên quan đến quyền hạn và lợi ích của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT được quyền sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với hoạt động và sự phát triển của Tổng công ty.
3. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị được quyền phân cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện một phần quyền hạn của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho việc vận hành và ra quyết định được nhanh chóng, hiệu quả và có kiểm soát.
4. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc và/hoặc các cá nhân có liên quan khác tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của HĐQT.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty;
 - c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết;
 - e. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo quy định pháp luật.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

- 1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty để phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc yêu cầu cung cấp thông tin không được làm gián đoạn, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
- 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do các văn bản nội bộ khác của Tổng công ty quy định.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

- 1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không quá năm (05) năm (cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT tại Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên HĐQT nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty;
3. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ;
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp tổng số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.
3. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của HĐQT và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành

viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ và ĐHĐCĐ quy định.
2. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch có liên quan

1. Trừ các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo Điều lệ và quy định pháp luật, HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu có), Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát) về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát) ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát);
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

Thời hạn triệu tập và trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường của HĐQT theo quy định của Điều lệ.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của HĐQT từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định. Trường hợp HĐQT quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này.
2. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng nên đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 17. Cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT
Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành

viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Các cuộc họp bất thường
Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ban kiểm soát (nếu mô hình có Ban kiểm soát) hoặc Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo mời họp
Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất một ngày. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
8. Điều kiện tiến hành họp

Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. **Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến**

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

10. **Hình thức biểu quyết**

Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. **Biểu quyết**

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Công khai lợi ích

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Nguyên tắc biểu quyết đa số

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên HĐQT) phải được gửi cho bộ phận thư ký HĐQT chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên HĐQT phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/phản đối/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành

của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 18. Biên bản họp HĐQT và lưu trữ các tài liệu của HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.
2. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của những người sau:
 - Có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên HĐQT tham gia họp; hoặc
 - Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp HĐQT, biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT, phiếu lấy ý kiến HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các nghị quyết/quyết định của HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp hoặc tài liệu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản phải được bộ phận văn thư của Tổng công ty lưu giữ trong thời hạn ít nhất là 10 năm tại trụ sở chính của Công ty.
5. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG IV. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

1. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
2. Báo cáo tài chính;
3. Các báo cáo khác theo quy định pháp luật.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT.
2. Thành viên HĐQT phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

- 1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
- 3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

- 1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo

nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, các thành viên HĐQT có thể đề xuất lên Chủ tịch HĐQT để xem xét, quyết định trình ĐHĐCĐ sửa đổi.
2. Trong trường hợp có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ thì áp dụng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ. HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất việc sửa đổi các quy định mâu thuẫn này. Trường hợp các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến HĐQT thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động HĐQT nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác.
4. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HĐQT Công ty

Điều 26. Hiệu lực

1. Quy chế được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nhất trí thông qua, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này ngày 29 tháng 04 năm 2021.
2. Quy chế này do Chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành.
3. HĐQT, Tổng Giám đốc và tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2021

ĐỀ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 ;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị điện ("**Điều lệ công ty**");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Thiết bị điện ("**Công ty**") số 01/2021/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 04 năm 2021.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các cá nhân, phòng ban có liên quan trong Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc:

- a) Độc lập, khách quan, minh bạch;
- b) Tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Giám sát nhưng không cản trở hoạt động của HĐQT, của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - (d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ chuyên môn;
 - (c) Quá trình công tác;
 - (d) Các chức danh quản lý khác;
 - (e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - (g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Tham mưu các bộ phận liên quan và sử dụng tư vấn thuê ngoài.
 - a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình, Ban kiểm soát có quyền đề nghị tất cả các nhân viên, phòng ban chuyên môn trong cơ quan tư vấn các ý kiến chuyên môn. Các nhân viên, phòng ban khi được Ban kiểm soát đề nghị cho ý kiến tư vấn chuyên môn có nghĩa vụ phối hợp và hỗ trợ Ban kiểm soát.
 - b) Trong trường hợp nếu thấy cần thiết, Ban kiểm soát có quyền đề nghị với Chủ tịch HĐQT để sử dụng dịch vụ tư vấn thuê ngoài. Chủ tịch HĐQT sẽ xem xét quyết định và trả lời Ban kiểm soát trong vòng không quá 05 ngày làm việc, chi phí thuê sẽ do Công ty chi trả.
 - c) Việc sử dụng ý kiến tư vấn không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với nội dung các báo cáo của Ban kiểm soát.
25. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - (a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - (b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - (c) Báo cáo của Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc/Ban điều hành trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc yêu cầu cung cấp thông tin không được làm gián đoạn, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - (b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12 Điều lệ công ty;
 - (c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Các nghị quyết/quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp tán thành.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát và lưu giữ tài liệu làm việc của Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Tất cả các báo cáo, biên bản cuộc họp và tài liệu liên quan đến các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được bộ phận Tổ chức – Hành chính của Công ty lưu giữ trong thời hạn ít nhất là 10 năm tại trụ sở chính Công ty.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp

luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét, quyết định việc sửa đổi.
2. Trong trường hợp có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ thì áp dụng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ. Ban kiểm soát xem xét trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất việc sửa đổi các quy định mâu thuẫn này. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ công ty thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ công ty.
3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ khác.
4. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 23. Hiệu lực

1. Quy chế được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nhất trí thông qua, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này ngày 29 tháng 04 năm 2021.
2. Quy chế này do Chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành.
3. Ban Kiểm soát và tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Tuấn



Số: 01/2021/NQ-ĐHCD

Đồng Nai, ngày 29 tháng 04 năm 2021



DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thiết bị điện;

Căn cứ Biên bản số 01/2021/BB-ĐHCD Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thiết bị điện ngày 29 tháng 04 năm 2021,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội thống nhất thông qua các nội dung các báo cáo:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.
2. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
3. Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ năm 2020.
4. Báo cáo về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán.

Điều 2: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty như sau:

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đề nghị duyệt phương án phân phối
I	Lợi nhuận chưa phân phối	506.905.936.948
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	147.672.560.341
	- Lợi nhuận tích lũy còn lại	359.233.376.607
II	Phân phối lợi nhuận năm 2020	54.467.137.991
1	- Chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu nhận 1.000 đồng)	44.000.000.000
2	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3%/ LN sau thuế)	4.430.176.810
3	- Quỹ thưởng ban điều hành (20% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch (20.218.559.658 đồng) theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)	4.043.711.932
III	Lợi nhuận tích lũy còn lại chuyển sang năm 2021	452.438.798.957

Điều 3: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành năm 2021 như sau:

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu hợp nhất	2.860 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	197,8 tỷ đồng
3	Cổ tức bằng tiền mặt	10%
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3% LNST
5	Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty	Tối đa 20% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch
6	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát. Trong đó:	1,46 tỷ đồng
	- Thù lao Hội đồng quản trị	960 triệu đồng
	- Thù lao Ban kiểm toán nội bộ	132 triệu đồng
	- Thù lao Ban kiểm soát	372 triệu đồng

Điều 4: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho niên độ tài chính 2021 như sau:

- **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**
Địa chỉ: Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh
- **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**
Địa chỉ: Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- **Công ty TNHH KPMG**
Địa chỉ: Tầng 10, Sun Wah Tower, số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- **Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**
Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điều 5: Thông qua Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX.

Điều 6: Thông qua dự thảo Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty trong Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 7: Thông qua kết quả bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 8: Đại hội thống nhất giao Hội đồng quản trị hoàn chỉnh các văn bản của Đại hội và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- HDQT;
- CBTT;
- Lưu VT.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

NGUYỄN VĂN TUẤN